shàng jiàng

上将

noun · general

Example Sentences

Zhè wèi shàng jiàng zài jūn duì zhōng hěn yǒu wēi wàng
这位 上 将 在军队 中 很有威 望 。

This general is very prestigious in the military.

Shàng jiàng mìng lìng shì bīng men lì jí chū fā
上 将 命 令士 兵 们 立即出发。

The general ordered the soldiers to set off immediately.

Trace each character, then write the word on your own.

上 上 上 上 上 上

将 将 将 将 将 将 将 将 将 将 将 将